



Original Article

## Case Study Teaching Method in Tertiary Education: A Solution for Addressing the Theory - Practice Gap

Nguyen Thi Huong\*

*Academy of Journalism and Communication, 36 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 24 April 2020

Revised 26 August 2020; Accepted 28 August 2020

**Abstract:** This paper reviews the concept of case study teaching method, its purposes, techniques and procedures. The paper also presents a real-life example of case study teaching method that has been applied in tertiary education overseas. The paper concludes that appropriate application of case study teaching method as well as the development of a case study database in Vietnamese universities will be an arguably viable solution to improve education quality and to bridge the gap between theory and practice.

**Keywords:** Case study teaching method, tertiary education, high-order thinking skills, knowledge application, theory-practice gap.

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [huongnguyen041281@gmail.com](mailto:huongnguyen041281@gmail.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4410>

# Phương pháp dạy học nghiên cứu trường hợp trong giáo dục đại học: Giải pháp đào tạo gắn lý luận với thực tiễn

Nguyễn Thị Hương\*

*Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 36 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 24 tháng 4 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 26 tháng 8 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 8 năm 2020

**Tóm tắt:** Giáo dục đại học Việt nam cho đến nay vẫn được coi là nặng về kiến thức hàn lâm, xa rời thực tiễn, còn tồn tại khoảng cách lớn giữa đào tạo trong nhà trường và yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp. Trong bối cảnh đó, việc áp dụng các phương pháp dạy học mang tính trải nghiệm, bao gồm phương pháp nghiên cứu trường hợp là điều cần thiết. Bài viết tìm hiểu nội hàm khái niệm của phương pháp nghiên cứu trường hợp, mục đích sử dụng phương pháp, cách thức tổ chức và các kỹ thuật trong dạy học nghiên cứu trường hợp. Đồng thời, bài viết cũng đưa ra và phân tích dẫn chứng minh họa về việc sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong thực tiễn giảng dạy. Nếu phương pháp dạy học nghiên cứu trường hợp được đầu tư nghiên cứu và áp dụng đúng cách; các trường đại học ở Việt Nam xây dựng các ngân hàng cơ sở dữ liệu nghiên cứu trường hợp theo các ngành hoặc các lĩnh vực sẽ góp phần rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo lý luận với thực tiễn.

**Từ khóa:** Phương pháp dạy học nghiên cứu trường hợp, kỹ thuật dạy học, giáo dục đại học, các kỹ năng tư duy bậc cao, vận dụng kiến thức, khoảng cách giữa lý luận - thực tiễn.

## 1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, giáo dục Việt nam đã có những đổi mới và những bước phát triển đáng kể trong phương pháp dạy và học, chuyển trọng tâm từ truyền thụ tri thức sang phát triển năng lực cho người học. Tuy nhiên, về cơ bản, giáo dục đại học Việt Nam vẫn còn mang nặng tính hàn lâm, đào tạo vẫn còn xa rời thực tiễn và yêu cầu của nhà tuyển dụng và thị trường lao động. Do đó, yêu cầu đặt ra là cần gắn đào tạo lý luận với thực tiễn, rút ngắn khoảng cách giữa nhà trường với thế giới nghề nghiệp. Đồng thời, thế kỷ 21 đòi hỏi người lao động ngoài các kiến thức và kỹ năng chuyên ngành thì cần có các kỹ năng tư duy phân tích

phản biện, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo và các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Phương pháp giáo dục đại học bởi vậy cũng cần phải đổi mới để đáp ứng các yêu cầu cấp thiết này.

Nghiên cứu trường hợp là một trong những phương pháp dạy học gắn liền lý luận với thực tiễn một cách hiệu quả thông qua việc tạo môi trường học tập trải nghiệm để người học khám phá, kiến tạo tri thức, hình thành các kỹ năng tư duy phân tích, lập luận, giải quyết vấn đề [1]. Phương pháp nghiên cứu trường hợp áp dụng cách tiếp cận dạy học giải quyết vấn đề, thông qua đó người học lĩnh hội tri thức lý luận cũng như thực tiễn và kỹ năng giải quyết vấn đề. Đây là cách tiếp cận theo đường hướng lấy người học làm trung tâm, yêu cầu người học phải tiến hành nghiên cứu, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, vận dụng kiến thức và kỹ năng để tìm giải pháp khả thi cho một vấn đề [2]. Theo Duch, Groh & Allen [3], cách tiếp cận này phát triển

\* Tác giả liên hệ.

*Địa chỉ email:* huongnguyen041281@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4410>

cho người học khả năng tư duy phê phán, phân tích và giải quyết vấn đề phức tạp, nghiên cứu, đánh giá và sử dụng nguồn lực, và kỹ năng hợp tác, giao tiếp.

Nghiên cứu trường hợp là một trong những phương pháp dạy học phổ biến sử dụng ở hầu hết các trường đại học trên thế giới. Phương pháp này được áp dụng từ những năm 1870s trong chương trình đào tạo ngành luật, năm 1920, kinh tế và y học vào năm 1980s. Trong những năm gần đây, nghiên cứu trường hợp ngày càng được sử dụng trong các lĩnh vực đào tạo khác, bao gồm giáo dục, chính trị học, quan hệ quốc tế, các ngành khoa học xã hội nhân văn khác và các ngành khoa học tự nhiên,... Nhiều trường đại học lớn trên thế giới đã xây dựng ngân hàng cơ sở dữ liệu các nghiên cứu trường hợp có sẵn để giảng viên có thể sử dụng như đại học Yale, đại học Indiana; thậm chí có những ngân hàng trường hợp ở cấp quốc gia mang tên “Trung tâm quốc gia về dạy học nghiên cứu trường hợp trong lĩnh vực khoa học”<sup>1</sup>,... Ở Việt Nam, các trường đại học chưa chú trọng nhiều đến phương pháp dạy học này. Trên thực tế, các tình huống được sử dụng trong giảng dạy thường mang tính đơn giản, các vấn đề có thể giải quyết ngay bằng cách vận dụng tri thức lý thuyết trong bài mà không đòi hỏi khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức lý luận và thực tiễn, không yêu cầu người học phải nghiên cứu, tìm hiểu thêm thông tin, tài liệu để hiểu sâu vấn đề và các giải pháp. Trong khi đó, phương pháp nghiên cứu trường hợp sử dụng các vấn đề phức tạp (ill-structured) mà không có sẵn câu trả lời hoặc không có câu trả lời đúng hay sai. Việc giải quyết các vấn đề này đòi hỏi sự vận dụng tổng hợp các kiến thức và kỹ năng. Một vấn đề có nhiều giải pháp và người học phải cân nhắc các điểm mạnh và yếu của từng giải pháp để lựa chọn những giải pháp phù hợp. Phương pháp nghiên cứu trường hợp có thể áp dụng cho các lĩnh vực đào tạo khác nhau, từ khoa học xã hội tới khoa học tự nhiên, từ giáo dục học, luật, chính trị học, quan hệ quốc tế, kinh tế, truyền

thông, báo chí,... đến sinh học, sinh hoá, vật lý, khoa học vũ trụ, công nghệ môi trường, nông nghiệp, lâm nghiệp, y dược, v.v... Bài báo này cung cấp cái nhìn tổng quan về phương pháp nghiên cứu trường hợp, bao gồm khái niệm, phân loại nghiên cứu trường hợp, cách thức tổ chức dạy - học, và đưa ra một số ví dụ thực tiễn về sử dụng nghiên cứu trường hợp trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, kinh tế và truyền thông - quảng cáo.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm

Nghiên cứu trường hợp là cách tiếp cận học dựa trên các tình huống thực tiễn hoặc mô phỏng thực tiễn, người học được trải nghiệm các vấn đề phức tạp, tìm hiểu xem các vấn đề được giải quyết như thế nào và xem xét mối liên hệ giữa lý luận và thực tiễn. Ở đây, cần phân biệt giữa nghiên cứu trường hợp trong dạy học với nghiên cứu trường hợp trong nghiên cứu khoa học với tư cách là một phương pháp nghiên cứu. Trong nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn, nghiên cứu trường hợp là một phương pháp điều tra nhằm làm sáng tỏ một hiện tượng đương đại trong bối cảnh thực tiễn [4].

Thông thường, các trường hợp nghiên cứu là các tình huống chứa đựng các vấn đề phức tạp mà không có giải pháp cho trước; các giải pháp đòi hỏi sự vận dụng tổng hợp các kiến thức, kỹ năng khác nhau. Các nghiên cứu trường hợp trong các lĩnh vực kinh tế, chính sách công, đối ngoại thông thường chứa đựng các thông tin lịch sử, dữ liệu thống kê, các chính sách của chính phủ hoặc chính sách pháp luật,... Tuy nhiên, các nghiên cứu trường hợp cũng có thể phản ánh các vấn đề cá nhân, bao gồm các nhân vật thực tế trong các tình huống thực tế. Nghiên cứu cho thấy các nghiên cứu trường hợp gây hứng thú cho sinh viên là những trường hợp kể lại câu chuyện “một trường hợp hay chứa đựng vấn đề gây hứng thú, thể hiện các quan điểm và hoàn cảnh cá nhân giúp sinh viên hiểu được trải nghiệm của nhân vật đối với vấn đề. Các trường hợp thường là sự giao thoa

<sup>1</sup> National Center for case study teaching in science. <https://sciencecases.lib.buffalo.edu>

giữa hoàn cảnh và cảm nhận, nhận định và hành động của cá nhân” [5]. Các trường hợp cần nghiên cứu có thể là những trường hợp thực tế hoặc hư cấu, mô phỏng thực tế.

Theo Golich & cộng sự [6], các trường hợp nghiên cứu có thể chia làm 2 loại, hoặc là các sự kiện, hiện tượng đã xảy ra (historical/retro), hoặc đòi hỏi phải đưa ra quyết định, tìm giải pháp cho vấn đề (decision-based). Trong các trường hợp giải quyết vấn đề, người học phải phân tích vấn đề và tìm các giải pháp phù hợp cho các vấn đề đó. Tuy nhiên, trong giảng dạy, giáo viên có thể sử dụng các trường hợp đã xảy ra (historical/retro), nhưng không cung cấp cho sinh viên giải pháp, yêu cầu sinh viên phải đưa ra quyết định (decision-based). Các trường hợp do giáo viên tự viết, hoặc là đã kết thúc hoặc chưa kết thúc. Tuy nhiên cần lưu ý rằng các trường hợp này cần phải thể hiện độ phức tạp của vấn đề để có thể mô phỏng thực tiễn.

Như vậy, có thể phân làm các loại nghiên cứu trường hợp trong giảng dạy như sau:

i) Các trường hợp đã xảy ra và kết thúc (finished cases): Các trường hợp nghiên cứu là các sự kiện, hiện tượng đã xảy ra và kết thúc, các vấn đề đã có giải pháp. Người học được yêu cầu phân tích, lý giải sự kiện, hiện tượng, phê bình, đánh giá các hành động hoặc giải pháp, cân nhắc các giải pháp khác thay thế, vận dụng bài học vào các tình huống tương tự.

Để chuẩn bị, sinh viên phải đọc các tài liệu liên quan, thảo luận sâu trên lớp về các vấn đề trong các trường hợp. Trong một nghiên cứu trường hợp ngành quan hệ quốc tế, vấn đề đặt ra là Mỹ hiện đang áp dụng chính sách cấm vận đối với Cuba và những chính sách này gây nhiều ảnh hưởng và thiệt hại nặng nề; chính phủ Mỹ do đó đã thực hiện một số thay đổi trong chính sách cấm vận đối với Cuba. Sinh viên có nhiệm vụ nghiên cứu lý do lý giải tại sao Chính phủ Mỹ thay đổi và cách thức thay đổi chính sách cấm vận đối với Cuba. Trong một trường hợp khác ngành kinh tế - tài chính, vấn đề đặt ra là cuộc khủng hoảng kinh tế ở Đông Á và cuối những năm 1990 đòi hỏi các quốc gia phải đưa ra các chính sách tài khoá nhằm khôi phục nền kinh tế. Sinh viên có nhiệm vụ nghiên cứu giải pháp của các quốc gia và quốc tế đối với cuộc

khủng hoảng này và vận dụng để đưa ra giải pháp đối với đất nước mình cho cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu vào cuối những năm 2000. Cũng trong lĩnh vực kinh tế, nghiên cứu ảnh hưởng của toàn cầu hoá đối với hành động của các tập đoàn đa quốc gia khi đối mặt với các thách thức kinh doanh là một trong những nghiên cứu trường hợp phổ biến. Ví dụ, hãng Nike bị cáo buộc sử dụng lao động trong điều kiện làm việc khắc nghiệt, không đảm bảo sức khoẻ và do đó vấp phải sự phản đối của cộng đồng quốc tế. Vấn đề này đòi hỏi hãng phải đưa ra giải pháp để lấy lại hình ảnh, thương hiệu của mình và hãng đã quyết định áp dụng Quy ước Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Sinh viên được yêu cầu phân tích, lý giải và đánh giá giải pháp mà hãng Nike đã đưa ra. Trong một trường hợp khác công ty Newmont đã quyết định dừng khai thác vàng ở thị trấn Peru khi vấp phải sự phản đối của người dân và dư luận về sai phạm nghiêm trọng trong quản lý rủi ro sức khoẻ của hãng này. Sinh viên có nhiệm vụ nghiên cứu lý giải nguyên nhân và đánh giá cách thức công ty Newmont dừng hoạt động khai thác vàng tại thị trấn Peru.

Nghiên cứu các trường hợp đã xảy ra và kết thúc giúp người học tiếp cận được các tình huống, vấn đề thực tiễn và các cách giải quyết vấn đề để rút ra bài học vận dụng vào các tình huống tương tự.

ii) Các trường hợp chưa kết thúc (unfinished cases): Đây là những trường hợp trên thực tế chưa có giải pháp hoặc giáo viên không cung cấp giải pháp, yêu cầu sinh viên phải phân tích dữ liệu, xem xét các giải pháp khác nhau và quyết định giải pháp phù hợp nhất. Hầu hết các trường hợp đều dựa trên các sự kiện thực tế đã xảy ra hoặc mô phỏng các sự kiện, tình huống thực tế có thể xảy ra. Các trường hợp là các câu chuyện chứa các vấn đề hoặc xung đột cần được giải quyết. Thông tin trong các trường hợp này thường phức tạp (biểu đồ, sơ đồ, tài liệu lịch sử) hoặc đơn giản là câu chuyện chứa đựng tình huống khó xử cần đưa ra quyết định. Trong các nghiên cứu trường hợp đòi hỏi giải quyết vấn đề

Sinh viên được cung cấp một vấn đề thực tế phức tạp chưa có giải pháp, được yêu cầu xác

định vấn đề, xem những gì đã biết và những gì cần quyết định, hình thành và đánh giá các giải pháp khác nhau, lựa chọn giải pháp tốt nhất và đánh giá bài học. Khi cần thêm thông tin, giáo viên có thể cung cấp hoặc hướng dẫn sinh viên tìm thông tin cần [7].

Có những trường hợp yêu cầu sinh viên phải giải quyết vấn đề, chọn lựa giải pháp và đưa ra lập luận bảo vệ giải pháp đó. Một ví dụ trong môn học sinh học về ký sinh trùng, sau khi sinh viên đã được học một số chương về ký sinh trùng và ảnh hưởng đối với con người, giáo viên yêu cầu sinh viên viết các trường hợp mô tả các triệu chứng mà một người có thể gặp. Vấn đề đặt ra là dựa trên các triệu chứng này, sinh viên phải đánh giá triệu chứng, bệnh học, dịch tễ học để đưa ra chuẩn đoán về việc nhiễm loại ký sinh trùng nào.

Một ví dụ khác trong ngành quan hệ quốc tế liên quan đến các chính sách cấm vận và chính sách tham gia của Mỹ đối với Miến Điện. Vấn đề cần giải quyết là Chính phủ Mỹ phải lựa chọn những chính sách tham gia đối với Miến Điện. Trong trường hợp này, sinh viên được viết một bài chính sách ngắn (3-6 trang) trong đó lập luận bảo vệ một cách tiếp cận chính sách cụ thể, giải thích tại sao đây là chính sách tối ưu. Trong trường hợp khác trong lĩnh vực kinh tế là chính sách phát triển kinh tế đối với Nicaragua. Vấn đề đặt ra là chính phủ Nicaragua phải đưa ra được các chính sách nhằm phát triển nền kinh tế vốn đang bị đình trệ, yếu kém của mình. Sinh viên được yêu cầu làm theo nhóm để thiết kế một bài chính sách lên kế hoạch phát triển kinh tế cho nước này và các lập luận bảo vệ chính sách. Trong cả hai trường hợp này, sinh viên phải tham dự các buổi học cung cấp kiến thức nền tảng về các điều kiện kinh tế, chính trị của các quốc gia, đọc tài liệu liên quan, thảo luận trong lớp về các vấn đề và các chính sách khác nhau, viết bài chính sách, trình bày kết quả, đề xuất trước lớp.

## 2.2. Mục tiêu sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp

Phương pháp nghiên cứu trường hợp giúp người học có cơ hội cọ xát với thực tiễn, với

các tình huống trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và việc làm. Thông qua các trường hợp đã xảy ra, người học thấy được các quan điểm, các cách tiếp cận khác nhau; các cách giải quyết vấn đề và các cách vận dụng tri thức linh hoạt; học được từ những kinh nghiệm, trải nghiệm của những người đi trước. Phương pháp nghiên cứu trường hợp do đó phát triển kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề trong môi trường làm việc chuyên nghiệp - đây là một trong những kỹ năng việc làm mà sinh viên tốt nghiệp thường rất thiếu và yếu. Theo [3] cách tiếp cận này phát triển cho người học khả năng tư duy phê phán, phân tích và giải quyết vấn đề phức tạp, nghiên cứu, đánh giá và sử dụng nguồn lực, và kỹ năng hợp tác, giao tiếp. Bên cạnh đó, người học thông qua nghiên cứu các trường hợp, phát triển các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đưa ra nhận định, đánh giá, và các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm,... Để tìm ra giải pháp và đưa ra quyết định thông qua thảo luận, sinh viên phân loại dữ liệu thực tế, sử dụng các công cụ phân tích, diễn giải vấn đề, sử dụng kinh nghiệm thực tiễn, và đưa ra kết luận, thông qua đó lĩnh hội tri thức và phát triển các kỹ năng. Bonny [8] cũng chỉ ra rằng việc áp dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học mang lại hiệu quả hơn so với các phương pháp giảng dạy truyền thống trong việc giúp người học lĩnh hội sâu các tri thức mang tính khái niệm và cách áp dụng vào thực tiễn.

## 2.3. Tổ chức dạy học nghiên cứu trường hợp

Trong việc dạy học theo hình thức nghiên cứu trường hợp, người học được chuẩn bị các tri thức nền tảng lý thuyết về các chủ đề hoặc vấn đề cần nghiên cứu thông qua các bài giảng và đọc tài liệu. Người học tham gia hoạt động nghiên cứu trường hợp ở ba cấp độ: Cấp độ 1. Người học khám phá vấn đề thông qua việc phân tích các dữ liệu liên quan, đánh giá các giải pháp đã đưa ra. Ở cấp độ này, người học thảo luận vấn đề hoặc giải pháp với tư cách là người quan sát - bình luận. Cấp độ 2. Người học tham gia giải quyết vấn đề; đóng vai, mô phỏng, lập luận để bảo vệ các hành động theo

quan điểm của nhân vật, xét đến lợi ích và hiểu biết của nhân vật. Cấp độ 3. Người học chủ động tham gia hoàn toàn trong tình huống, chủ đề không còn là những ý tưởng trừu tượng mà trở thành trọng tâm trong mỗi quan tâm của người học - họ sẽ làm gì trong tình huống tương tự trên thực tế.

i) Chuẩn bị các trường hợp cần nghiên cứu

Giáo viên chuẩn bị các trường hợp, hoặc sử dụng các trường hợp có sẵn trong ngân hàng dữ liệu, xây dựng các trường hợp mô phỏng thực tiễn hoặc sử dụng các tài liệu sẵn có như bài báo, báo cáo chứa đựng dữ liệu và thống kê, tóm tắt, đoạn trích các tác phẩm lịch sử, tác phẩm văn học, tạo tác, các đoạn băng ghi âm hoặc ghi hình, các nghiên cứu dân tộc học,... Theo, Hereid [9], các trường hợp tốt là các câu chuyện tập trung vào một vấn đề được quan tâm, xảy ra trong bối cảnh 5 năm gần đây. Có thể chứa các lời trích trực tiếp từ nhân vật để tăng tính tương tác. Các trường hợp sử dụng phải có mục tiêu sư phạm, chứa đựng vấn đề mâu thuẫn đòi hỏi phải đưa ra quyết định.

ii) Phân tích vấn đề

Giáo viên hướng dẫn sinh viên phân tích tình huống, vấn đề thông qua các câu hỏi:

*Tình huống đặt ra là gì? - Phân biệt giữa dữ liệu và các giả định ẩn sau dữ liệu.*

*Vấn đề đặt ra là gì? - Liên hệ tới lý thuyết*

*Cần phải có thêm thông tin gì? Có thể tìm những thông tin này ở đâu?*

*Vấn đề nào cần phải được giải quyết?*

*Những giải pháp nào là có thể? Điểm yếu và điểm mạnh của mỗi giải pháp?*

*Sử dụng những tiêu chí gì khi chọn giải pháp?*

iii) Nghiên cứu tài liệu

Sinh viên được yêu cầu nghiên cứu các tài liệu mang tính lý luận và thực tiễn để hiểu sâu về vấn đề trong trường hợp nghiên cứu. Giáo viên có thể cung cấp các nguồn tài liệu tham khảo chính và sinh viên có thể bổ sung thêm trong quá trình thực hiện.

iv) Thảo luận, thuyết trình:

Trong giờ nghiên cứu trường hợp, giáo viên sẽ hướng dẫn thảo luận thông qua việc đặt các câu hỏi dẫn dắt sinh viên khám phá vấn đề, các lý thuyết liên quan, phân tích cấu trúc vấn đề,

khám phá các giải pháp khác nhau và đánh giá kết quả. Các câu hỏi dùng cho thảo luận trên lớp trong nghiên cứu trường hợp cần khơi gợi các lập trường, quan điểm, cách tiếp cận khác nhau, thậm chí xung đột với nhau. Các cuộc thảo luận giúp sinh viên “liên hệ lý thuyết, áp dụng vào thực tế và chiêm nghiệm lại quá trình đó” [10]. Đây là hình thức học trải nghiệm, giúp sinh viên liên hệ giữa các vấn đề thực tiễn với các lý thuyết đã học, chiêm nghiệm lại những gì đã học được sau trải nghiệm thực tiễn đó.

Tổ chức thảo luận trường hợp theo nhóm, mỗi nhóm 3-6 sinh viên. Giáo viên đưa ra các câu hỏi hướng dẫn thảo luận nhóm. Các câu hỏi dẫn dắt sinh viên đi từ việc quan sát làm sáng tỏ các dữ liệu, khai thác các giả định, các vấn đề đặt ra trong mối liên hệ với lý thuyết, phân tích vấn đề cần giải quyết và các giải pháp có thể, sau đó là đưa ra đánh giá, nhận định các quan điểm, các giải pháp khác nhau.

Sắp xếp các câu hỏi theo trình tự: Bắt đầu với các câu hỏi làm sáng tỏ dữ liệu, sự kiện trong tình huống; tiếp theo là các câu hỏi đòi hỏi khả năng phân tích, và cuối cùng là các câu hỏi nhận định, đánh giá, và đưa ra giải pháp. Các loại câu hỏi có thể sử dụng để thảo luận:

- Các câu hỏi về quan điểm của các nhân vật: *Chúng ta vừa xem xét quan điểm của nhân vật X, vậy quan điểm của nhân vật Y là gì? Bằng chứng nào thể hiện quan điểm của Y? Mối liên hệ giữa hai quan điểm là gì?*

- Yêu cầu sinh viên xem xét các giả định ẩn sau các dữ liệu, lý do cho các quan điểm của người trong cuộc. Bao gồm các câu hỏi đòi hỏi khả năng khái quát hoá như *Khi Y nói “...”, ý định của cô là gì?* Hoặc các câu hỏi yêu cầu giải thích cụ thể *Tại sao cô ấy lại có quan điểm như vậy?...*

- Câu hỏi yêu cầu sinh viên đánh giá điểm mạnh và yếu của các quan điểm, giải pháp.

- Các câu hỏi về các thời điểm khác nhau: *Có thể hỏi Liệu tình huống có thể diễn ra khác không? Có thể làm gì để tránh xung đột và giao tiếp hiệu quả hơn? Liệu có quá muộn để giải quyết vấn đề?...*

- Các câu hỏi về các bối cảnh khác nhau: *Chúng ta thấy câu chuyện/tình huống xảy ra ở trên tin tức, vậy nếu ở trong trường hợp nơi*

*anh/chị ở thì tình huống này sẽ được xử lý như thế nào?*

- Các câu hỏi làm sáng tỏ: *Anh/chị có thể giải thích/làm rõ hơn luận điểm của mình?*

- Chỉ ra sự khác biệt giữa các quan điểm trong thảo luận: *Quan điểm của anh/chị khác với quan điểm của bạn A. Như vậy chúng ta hãy xem xét sự khác biệt này ở đâu?*

v) Đóng vai, mô phỏng

Đóng vai là hoạt động trong đó các thành viên trong nhóm diễn cách thức giải quyết vấn đề trong các tình huống có sự tương tác, như đóng vai giữa bác sỹ và bệnh nhân, sếp và nhân viên,... Hoạt động này không những phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề trong các tình huống cụ thể mà còn phát triển khả năng giao tiếp cho sinh viên. Các nhóm có thể phân vai đóng nhân vật trong câu chuyện để thảo luận, tranh luận về các giải pháp đối với vấn đề. Việc phân vai có thể thực hiện ngay ở buổi học đầu tiên để thành viên các nhóm có thời gian nghiên cứu và chuẩn bị cho vai diễn của mình. Trước khi sinh viên đóng vai, cần có tiết học làm rõ vấn đề cần giải quyết trong tình huống, phân tích tình huống và các nguồn tài liệu tham khảo cần thiết nêu có.

Sau hoạt động đóng vai, giáo viên dẫn dắt cả lớp thảo luận về cách thức giải quyết vấn đề của sinh viên trong tình huống, xem xét những điểm mạnh và điểm yếu của cách giải quyết vấn đề đó và những giải pháp thay thế.

vi) Viết báo cáo

Các nhóm viết báo cáo về các quan điểm, cách tiếp cận giải quyết vấn đề và thống nhất giải pháp cho vấn đề, nộp cho giáo viên vào buổi cuối để kiểm tra, đánh giá. Đồng thời, giáo viên cũng có những nhận xét phản hồi đối với các giải pháp để giúp sinh viên cải tiến kỹ năng giải quyết vấn đề.

#### 2.4. Ví dụ về áp dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp

Dưới đây là một ví dụ về việc áp dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong giảng dạy ngành truyền thông và quảng cáo với mục tiêu nhằm giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức lý luận liên quan tới truyền thông,

các chiến lược truyền thông và quảng cáo, đối tượng truyền thông và quảng cáo. Thông qua nghiên cứu trường hợp, sinh viên phát triển kỹ năng phân tích, nhận định vấn đề và các giải pháp đã có, đồng thời đưa ra các giải pháp sáng tạo trong các bối cảnh tương tự.

i) Trường hợp cần nghiên cứu:

*“Believe in Something” của Nike là chiến dịch truyền thông tiếp thị gây tốn nhiều giấy mực nhất của báo chí cuối năm 2018. Vụ ồn ào bắt nguồn từ việc Nike lựa chọn Colin Kaepernick, cựu tiền vệ của giải NFL làm gương mặt đại diện.*

*Điều đáng nói là vị cầu thủ này đã từng từ chối hát quốc ca trong trận đấu NFL để phản đối vụ thăm sát người da màu. Tổng thống Donald Trump đã lên tiếng chỉ trích hành động thiếu tôn trọng của Kaepernick. Nhiều người khác thậm chí còn đốt giày và cắt bỏ logo Nike.*

*Tuy vậy, Kaepernick và chiến dịch “Believe in Something” của Nike đã tạo được những kỷ lục đáng kể. Bằng chứng là doanh số tăng vọt 31% và giá cổ phiếu của công ty đạt mức cao nhất mọi thời đại.*

Đây là một trường hợp điển hình trong việc sử dụng các chiến lược truyền thông tiếp thị và đã xảy ra trong thời gian gần đây (năm 2018). Nghiên cứu trường hợp này phục vụ các mục tiêu dạy học của ngành truyền thông và quảng cáo.

Câu hỏi nghiên cứu: Hãng Nike đã sử dụng chiến lược truyền thông tiếp thị nào và tại sao chiến lược này lại thành công. Trên cơ sở đó xây dựng một kế hoạch truyền thông tiếp thị cho hãng Nike tại Việt Nam.

ii) Phân tích vấn đề

Giảng viên hướng dẫn sinh viên phân tích vấn đề:

Tình huống đặt ra là gì?: Chiến dịch truyền thông tiếp thị của hãng Nike “Believe in something” sử dụng Kaepernick đã đem lại thành công lớn mặc dù vấp phải sự phản đối của một bộ phận người tiêu dùng.

Vấn đề đặt ra là gì?: Để quảng bá thương hiệu và nâng cao doanh thu và hình ảnh của mình trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt giữa các thương hiệu lớn, Nike phải lựa chọn sử dụng một chiến lược truyền thông tiếp thị trong kinh doanh một cách sáng tạo, hiệu quả.

Các thông tin cần thu thập thêm: Các chiến lược truyền thông tiếp thị; Các nhóm đối tượng người tiêu dùng phản đối và các nhóm đối tượng người tiêu dùng ủng hộ chiến dịch “Believe in something”

### iii) Nghiên cứu tài liệu

Sinh viên được yêu cầu nghiên cứu các tài liệu mang tính lý luận và thực tiễn để hiểu sâu về vấn đề trong trường hợp nghiên cứu, bao gồm các nội dung về chiến lược truyền thông tiếp thị, các nhóm đối tượng người tiêu dùng và đặc điểm của họ. Giáo viên có thể cung cấp các nguồn tài liệu tham khảo chính và sinh viên có thể bổ sung thêm trong quá trình thực hiện.

### iv) Thảo luận

Tổ chức thảo luận trường hợp theo nhóm nhỏ sinh viên nhằm giúp khám phá vấn đề, các kiến thức lý thuyết liên quan, phân tích vấn đề, đánh giá giải pháp.

Giáo viên dẫn dắt tổ chức thảo luận trong lớp học, hướng dẫn sinh viên đặt câu hỏi thảo luận, đưa ra câu hỏi gợi ý nếu cần, và hướng dẫn thảo luận dựa trên các câu hỏi, gồm câu hỏi làm sáng tỏ dữ liệu, câu hỏi phân tích, đánh giá, sáng tạo, v.v... Một số câu hỏi gợi ý như sau:

i) Câu hỏi làm sáng tỏ dữ liệu: *Trong chiến dịch “Believe in Something”, Nike lại chọn Colin Kaepernick làm gương mặt đại diện. Chiến lược truyền thông tiếp thị nào đã được dùng trong chiến dịch này?*

ii) Câu hỏi phân tích: *Tại sao chiến dịch này lại thành công?*

iii) Câu hỏi đánh giá: *Đánh giá những điểm mạnh và điểm yếu của chiến lược truyền thông tiếp thị này.*

iv) *Chiến dịch “Believe in Something” của Nike có thể thành công ở một số nước như Việt Nam hay không? Tại sao?*

v) Câu hỏi sáng tạo, giải quyết vấn đề: *Hãy lựa chọn một thương hiệu và lập kế hoạch một chiến dịch truyền thông tiếp thị sử dụng chiến lược trên.*

### vi) Viết báo cáo

Các nhóm viết báo cáo sau khi kết thúc thảo luận. Yêu cầu: Khi phân tích trường hợp, đưa ra nhận định, đánh giá và các giải pháp cần liên hệ các kiến thức lý luận đã được học.

## 3. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy phương pháp nghiên cứu trường hợp không chỉ đơn thuần là cách dạy học thông qua các tình huống thông thường. Các trường hợp cần nghiên cứu phải là những trường hợp có chứa đựng vấn đề phức tạp. Đánh giá các giải pháp hoặc giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu trường hợp đòi hỏi người học phải tìm hiểu và vận dụng tổng hợp kiến thức từ lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu trường hợp giúp người học khám phá các vấn đề trọng tâm trong lĩnh vực, thông qua đó hiểu sâu các khái niệm chính và cách áp dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn để giải quyết vấn đề. Do đó, một nghiên cứu trường hợp có thể thực hiện trong vài tuần, với việc sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu chuẩn bị cho các câu hỏi và các buổi thảo luận trên lớp xoay quanh vấn đề nghiên cứu. Việc thực hiện một nghiên cứu trường hợp đòi hỏi giảng viên phải có những trải nghiệm thực tế ngành nghề mới có khả năng hướng dẫn người học giải quyết hoặc phân tích các vấn đề trong thực tiễn. Đồng thời, việc chuẩn bị cho một nghiên cứu trường hợp đòi hỏi trình độ, kiến thức chuyên môn cũng như thực tiễn ngành nghề, thời gian và công sức. Đây là một trong những yếu tố khiến nhiều giảng viên gặp khó khăn trong việc áp dụng phương pháp này. Do đó, các trường đại học cần đầu tư xây dựng các ngân hàng cơ sở dữ liệu nghiên cứu trường hợp theo các lĩnh vực học hoặc ngành học. Nếu phương pháp dạy học nghiên cứu trường hợp được đầu tư nghiên cứu và áp dụng đúng cách trong các trường đại học ở Việt Nam sẽ là giải pháp hữu hiệu góp phần rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo lý luận với thực tiễn.

## Tài liệu tham khảo

- [1] E. Anderson, B. Schiano, Teaching with cases: A practical guide, Boston, Harvard Business Press, 2005.
- [2] J.R. Savery, Overview of Problem-based Learning: Definitions and Distinctions, Interdisciplinary Journal of Problem-Based Learning 1(1) (2005) 9-20. <https://doi.org/10.7771/1541-5015.1002>.



- [3] B.J. Duch, S.E. Groh, D.E. Allen, Why problem-based learning? A case study of institutional change in undergraduate education, In B. Duch, S. Groh, D. Allen (Eds.), *The power of problem-based learning*, Sterling, VA, Stylus, 2001, pp. 3-11.
- [4] R.K. Yin, *Case study research: Design and methods*, California, Sage publication, 2009.
- [5] J. Bohrer, M. Linsky, Teaching with cases: Learning to question, *New directions for teaching and learning* 42 (1990) 41-57.
- [6] V. Golich, P. Franko, M. Boyer, S. Lamy, The ABCs of Case Teaching, *International Studies Perspectives* 1 (2000) 11-29.
- [7] M.J. Prince, R.M. Felder, Inductive teaching and learning methods: Definitions, comparisons, and research bases, *Journal of Engineering Education*, 95 (2006) 123-137.
- [8] K.M. Bonny, Case Study Teaching Method Improves Student Performance and Perceptions of Learning Gains, *J Microbiol Biol Educ* 16(1) (2015) 21-28. <https://doi.org/10.1128/jmbe.v16i1.846>.
- [9] C.F. Herreid, Case studies in science: A novel method for science education, *Journal of College Science Teaching* 23 (4) (1994) 221-229.
- [10] M. Breslin, R. Buchanan, On the Case Study Method of Research and Teaching in Design, *Design Issues* 24(1) (2008) 36-40.